

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	8 - 29

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo GCNĐKDN lần gần nhất lần thứ 37 ngày 17 tháng 7 năm 2026.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ kế toán hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Trọng	Thành viên điều hành
Ông Vũ Đăng Linh	Thành viên điều hành
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên điều hành
Ông Thomas Lanyi	Thành viên không điều hành
Ông Robert Willett	Thành viên không điều hành
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên độc lập
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Trung	Chủ tịch
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Đăng Linh	Tổng Giám đốc
Bà Lý Trần Kim Ngân	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Đăng Linh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 30 tháng 7 năm 2026.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Đăng Linh
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.772.126.228.997	4.770.260.531.773
I. Tiền	110	4	23.069.264.443	221.396.470.928
1. Tiền	111		23.069.264.443	221.396.470.928
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.694.769.628.019	4.502.018.635.075
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5	4.694.769.628.019	4.502.018.635.075
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.099.633.500	42.796.625.000
1. Phải thu ngắn hạn khác	135	6	50.099.633.500	42.796.625.000
IV. Tài sản ngắn hạn khác	160		4.187.703.035	4.048.800.770
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		24.999.994	5.246.246
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	7	4.162.703.041	4.043.554.524
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.038.663.754.957	22.856.674.802.252
I. Đầu tư tài chính dài hạn	260	8	23.038.663.754.957	22.856.674.802.252
1. Đầu tư vào các công ty con	261	8.1	22.574.760.411.707	22.541.759.311.707
2. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	8.1	(551.253.156.750)	(700.241.009.455)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	8.1	1.015.156.500.000	1.015.156.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		27.810.789.983.954	27.626.935.334.025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.907.037.720.058	948.121.597.140
I. Nợ ngắn hạn	310		3.907.037.720.058	948.121.597.140
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		25.023.600	-
2. Phải trả cổ tức	313	9	2.936.913.526.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	10	508.429.878	222.222
4. Phải trả người lao động	315		549.052.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	11	42.745.413.811	14.175.951.173
6. Phải trả ngắn hạn khác	320		14.546.274.769	22.195.423.745
7. Vay ngắn hạn	321	12	911.750.000.000	911.750.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.903.752.263.896	26.678.813.736.885
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	13.1, 13.2	14.696.931.770.000	14.696.931.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.696.931.770.000	14.696.931.770.000
2. Thặng dư vốn	412		(189.084.925.846)	(189.084.925.846)
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(12.696.480.000)	(12.364.140.000)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế	420		9.408.601.899.742	12.183.331.032.731
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		9.246.417.506.731	3.330.427.119.057
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		162.184.393.011	8.852.903.913.674
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		27.810.789.983.954	27.626.935.334.025



Nguyễn Thu Thủy
Người lập



Lý Trần Kim Ngân
Kế toán trưởng



Vũ Đăng Linh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm nay		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm trước	
			Số quý này năm nay VND		Số quý này năm trước VND	
1. Doanh thu hoạt động tài chính	22	14	104.339.635.398	212.545.412.332	1.637.428.288.274	2.258.072.860.527
2. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	23 24	15	(14.537.718.681) (9.316.918.626)	(38.261.519.886) (18.466.043.332)	(684.078.394.665) (105.054.186.024)	(796.385.136.484) (201.921.606.849)
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		(6.901.363.853)	(12.099.692.310)	(1.713.168.600)	(2.675.099.048)
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.900.552.864	162.184.200.136	951.636.725.009	1.459.012.624.995
5. Thu nhập khác	31		201.142	201.142	-	-
6. Chi phí khác	32		(5.588)	(8.267)	-	(452.817)
7. Lợi nhuận (lỗ) khác	40		195.554	192.875	-	(452.817)
8. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		82.900.748.418	162.184.393.011	951.636.725.009	1.459.012.172.178
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		82.900.748.418	162.184.393.011	951.636.725.009	1.459.012.172.178

Nguyễn Thu Thủy
Người lập

Lý Trần Kim Ngân
Kế toán trưởng



Vũ Đăng Linh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	01		162.184.393.011	1.459.012.172.178
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Các khoản dự phòng	03	15	9.961.047.295	552.728.187.112
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	30.406.076.643
- Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(212.545.412.332)	(2.258.072.860.527)
- Chi phí đi vay	06	15	18.466.043.332	201.921.606.849
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(21.933.928.694)	(14.004.817.745)
- Giảm các khoản phải thu	09		2.593.733.792	2.717.320.117
- Tăng các khoản phải trả	11		3.536.553.586	44.096.375
- (Tăng) giảm chi phí chờ phân bổ	12		(19.753.748)	10.686.790.283
- Chi phí đi vay đã trả	14		-	(198.389.366.377)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.823.395.064)	(198.945.977.347)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.808.994.330.470)	(3.855.365.090.880)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.635.691.609.294	2.155.796.969.380
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(195.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.050.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		183.081.249.755	2.169.314.105.005
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(182.171.471.421)	469.745.983.505
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	174.490.000.000
2. Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	13.1	(332.340.000)	(3.241.610.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(332.340.000)	171.248.390.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(198.327.206.485)	442.048.396.158
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		221.396.470.928	10.166.536.777
Tiền cuối kỳ	70	4	23.069.264.443	452.214.932.935



Nguyễn Thu Thủy
Người lập



Lý Trần Kim Ngân
Kế toán trưởng



Vũ Đăng Linh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo GCNĐKDN lần gần nhất lần thứ 37 ngày 17 tháng 7 năm 2026.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 17 (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 0)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính của Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	98,95	98,95
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	94,99	94,99
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh (*)	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,33	99,33
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin	100,00	100,00
Công ty TNHH MTV Đầu tư Thiện Tâm	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	100,00	100,00
Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhi	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín (*)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kho vận	99,99	99,99

(*) Tại ngày lập báo cáo này, các Công ty con này đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để giải thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính của Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	98,95	98,95
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	94,99	94,99
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh (*)	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,33	99,33
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin	100,00	100,00
Công ty TNHH MTV Đầu tư Thiện Tâm	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	100,00	100,00
Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhi	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín (*)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kho vận	99,99	99,99
Công ty Cổ phần 4K Farm (**)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Nông nghiệp	99,99	99,99

(*) Tại ngày lập báo cáo này, các Công ty con này đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để giải thể.

(**) Tại ngày 19 tháng 1 năm 2026, công ty con đã hoàn tất thủ tục giải thể theo Thông báo giải thể số 60760/26 của Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 8.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") để ngày 30 tháng 7 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ** (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") tuân thủ và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ báo cáo

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

3.1.1 Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới: Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định của Thông tư 99 trên cơ sở hồi tố đơn giản đối với khoản mục trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn như sau .

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản đầu tư vào trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn có phát sinh chiết khấu hoặc phụ trội theo phương pháp giá gốc. Từ 1 tháng 1 năm 2026, Công ty áp dụng phương pháp đường thẳng để phân bổ chiết khấu, phụ trội (TM số 3.5). Theo đó, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố đơn giản cho số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 và các khoản mục có liên quan (TM số 18).

Ngoài ra, Công ty áp dụng một số thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99, như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, chi phí thu xếp khoản vay,...được phân bổ dần theo thời hạn của khoản vay theo phương pháp đường thẳng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty có phát sinh chiết khấu (giá phát hành trái phiếu nhỏ hơn mệnh giá của trái phiếu) hoặc phụ trội (giá phát hành trái phiếu lớn hơn mệnh giá của trái phiếu) thì khoản chiết khấu, phụ trội đó được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực phù hợp với kỳ hạn của khoản đầu tư. Nếu phần phụ trội của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phân bổ hàng kỳ lớn hơn phần lãi theo lãi suất danh nghĩa hàng kỳ của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (nếu có) thì phần chênh lệch này được hạch toán vào chi phí tài chính.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu có) bị suy giảm giá trị hoặc không thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được lựa chọn tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (sau đây gọi tắt là tỷ giá xấp xỉ). Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Việc sử dụng tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán của Công ty.

Trường hợp ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch không công bố tỷ giá của loại ngoại tệ mà Công ty phát sinh thì Công ty được lựa chọn một loại tiền tệ trung gian để quy đổi sang đơn vị tiền tệ trong kế toán của đơn vị nhưng phải áp dụng nhất quán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.7 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tỷ giá ghi sổ

Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Công ty.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.8 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Phần chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu mua lại của chính mình) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo phê duyệt của các cổ đông tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.11 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.14 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Tiền gửi ngân hàng	23.069.264.443	221.396.470.928

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025		VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Ngắn hạn	4.694.769.628.019	4.694.769.628.019	4.502.018.635.075	4.502.018.635.075	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	740.000.000.000	740.000.000.000	-	-	-
Tiền gửi Infy	230.000.000.000	230.000.000.000	-	1.391.500.000.000	-
Cho vay (ii)	1.550.000.000.000	1.550.000.000.000	-	325.000.000.000	-
Đầu tư khác (iii)	2.037.573.716.723	2.037.573.716.723	-	1.148.000.000.000	-
Lãi dự thu	137.195.911.296	137.195.911.296	-	1.529.786.886.360	-
				107.731.748.715	-
Dài hạn	1.015.156.500.000	1.015.156.500.000	1.015.156.500.000	1.015.156.500.000	-
Trái phiếu (iv)	1.015.156.500.000	1.015.156.500.000	-	1.015.156.500.000	-
TỔNG CỘNG	5.709.926.128.019	5.709.926.128.019	5.517.175.135.075	5.517.175.135.075	-

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và lãi dự thu thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn và các khoản lãi dự thu tương ứng các khoản vay với các công ty đối tác, có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

(iii) Đầu tư khác ngắn hạn thể hiện các khoản trái phiếu nắm giữ và các đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(iv) Đây là các khoản trái phiếu nắm giữ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên và hưởng lãi suất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Tạm ứng	50.000.000.000	-
Tạm ứng bảo hiểm	-	42.796.625.000
Khác	99.633.500	-
TỔNG CỘNG	50.099.633.500	42.796.625.000
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 17)	50.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác từ bên khác	99.633.500	42.796.625.000

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.043.554.524	4.043.554.524
Thuế giá trị gia tăng	119.148.517	-
TỔNG CỘNG	4.162.703.041	4.043.554.524

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

8.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ			VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh (Thuyết minh số 8.1)	14.049.800.000.000	14.049.800.000.000	-	14.049.800.000.000	14.049.800.000.000	-	-
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (Thuyết minh số 8.1)	4.426.023.111.000	4.426.023.111.000	-	4.426.023.111.000	4.426.023.111.000	-	-
Đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đầu tư Thiện Tâm (Thuyết minh số 8.1)	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000	-	2.105.000.000.000	2.105.000.000.000	-	-
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh (Thuyết minh số 8.1)	860.937.300.707	309.684.143.957	(551.253.156.750)	860.937.300.707	309.684.143.957	(551.253.156.750)	(551.253.156.750)
Đầu tư vào Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động (Thuyết minh số 8.1)	538.000.000.000	538.000.000.000	-	538.000.000.000	538.000.000.000	-	-
Đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhi (Thuyết minh số 8.1)	500.000.000.000	500.000.000.000	-	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-
Đầu tư vào Công ty Cổ phần 4K Farm (*)	-	-	-	161.998.900.000	13.011.047.295	(148.987.852.705)	(148.987.852.705)
TỔNG CỘNG	22.574.760.411.707	22.023.507.254.957	(551.253.156.750)	22.541.759.311.707	21.841.518.302.252	(700.241.009.455)	(700.241.009.455)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.015.156.500.000	1.015.156.500.000	-	1.015.156.500.000	1.015.156.500.000	-	-
TỔNG CỘNG	23.589.916.911.707	23.038.663.754.957	(551.253.156.750)	23.556.915.811.707	22.856.674.802.252	(700.241.009.455)	(700.241.009.455)

(*) Tại ngày 19 tháng 1 năm 2026, công ty con đã hoàn tất thủ tục giải thể theo Thông báo giải thể số 60760/26 của Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8.1 Đầu tư vào các công ty con

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 7 công ty con như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 8)

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 6 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025		VND
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	94,99	94,99	94,99	94,99	94,99
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh	98,95	98,95	98,95	98,95	98,95
Công ty TNHH MTV Đầu tư Thiện Tâm	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Thế Giới Sô Trần Anh	99,33	99,33	99,33	99,33	99,33
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhi	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	99,99	99,99	99,99	99,99	99,99
Công ty Cổ phần 4K Farm	-	-	99,99	99,99	99,99

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI TRẢ CÓ TỨC

		VND	
	Thời hạn chi trả	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Lợi nhuận thuộc năm tài chính			
2025	Quý 3 và Quý 4 năm 2026	2.936.913.526.000	-
Trong đó:			
Trong thời hạn chi trả	2.936.913.526.000		

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 06 năm 2026
Thuế thu nhập cá nhân	-	940.189.760	(431.915.729)	508.274.031
Thuế khác	222.222	130.055.708	(130.122.083)	155.847
TỔNG CỘNG	222.222	1.070.245.468	(562.037.812)	508.429.878

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Chi phí lãi vay	27.874.883.390	9.408.840.058
Chi phí đảm bảo tỷ giá	13.801.666.667	4.651.111.111
Khác	1.068.863.754	116.000.004
TỔNG CỘNG	42.745.413.811	14.175.951.173

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. VAY NGÂN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 06 năm 2026		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngân hàng	911.750.000.000	911.750.000.000	-	-	911.750.000.000	911.750.000.000	

12.1 Vay ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất 4%/năm nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Khoản vay	Ngày 30 tháng 06 năm 2026		Kỳ hạn trả gốc và lãi
	VND	Nguyên tệ (USD)	
Khoản vay tín chấp ngân hàng	911.750.000.000	35.000.000	Ngày 25 tháng 9 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	14.622.441.770.000	522.021.325.200	(7.599.680.000)	4.808.883.882.057	19.945.747.297.257
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	174.490.000.000	-	-	-	174.490.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.459.012.172.178	1.459.012.172.178
Cổ phiếu mua lại của chính mình	-	-	(3.241.610.000)	-	(3.241.610.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	(1.478.456.763.000)	(1.478.456.763.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	14.796.931.770.000	522.021.325.200	(10.841.290.000)	4.789.439.291.235	20.097.551.096.435
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026					
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	14.696.931.770.000	(189.084.925.846)	(12.364.140.000)	12.183.331.032.731	26.678.813.736.885
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	162.184.393.011	162.184.393.011
Cổ phiếu mua lại của chính mình (i)	-	-	(332.340.000)	-	(332.340.000)
Cổ tức công bố (ii)	-	-	-	(2.936.913.526.000)	(2.936.913.526.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2026	14.696.931.770.000	(189.084.925.846)	(12.696.480.000)	9.408.601.899.742	23.903.752.263.896

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

- (i) Vào ngày 23 tháng 1 năm 2026, Công ty đã mua lại 33.234 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của những nhân viên đã nghỉ việc theo quy chế phát hành ESOP, với giá mua là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị mua là 332.340.000 VND.
- (ii) Theo phê duyệt của Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2026 ngày 18 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% trên mệnh giá mỗi cổ phiếu phổ thông.
- (iii) Vào ngày 18 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2026 về kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho quản lý chủ chốt của Công ty dựa vào kết quả kinh doanh năm 2025.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 05/NQ/HĐQT-2026 về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu ESOP 2025. Theo đó, Công ty dự kiến phát hành 7.342.117 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của Công ty.

Vào ngày 15 tháng 7 năm 2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 6561/UBCK-QLCB về việc đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, theo Báo cáo số 36/2026/MWG của Công ty, và yêu cầu Công ty thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký và niêm yết cổ phiếu bổ sung theo quy định.

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2026, Công ty đã nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 37 được cấp bởi Sở Tài chính Thành Phố Hồ Chí Minh phê duyệt tăng vốn cổ phần của Công ty từ 14.696.931.770.000 VND lên 14.770.352.940.000 VND.

13.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 30 tháng 06 năm 2025
Vốn cổ phần		
Số đầu kỳ	14.696.931.770.000	14.622.441.770.000
Phát hành cổ phiếu	-	174.490.000.000
Số cuối kỳ	<u>14.696.931.770.000</u>	<u>14.796.931.770.000</u>
Cổ tức công bố		
Cổ tức tiền đã công bố	2.936.913.526.000	1.478.456.763.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.3 Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2026</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	1.469.693.177	1.469.693.177
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	1.469.693.177	1.469.693.177
Cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	(1.269.648)	(1.236.414)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.468.423.529	1.468.456.763

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2026</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2025</i>
Lãi thu từ trái phiếu	109.299.583.592	121.164.931.894
Lãi tiền cho vay	65.564.805.265	42.145.230.090
Lãi tiền gửi	33.653.194.283	95.870.757.503
Thu nhập từ thu hồi khoản đầu tư	4.027.829.192	-
Thu nhập từ cổ tức	-	1.998.891.941.040
TỔNG CỘNG	212.545.412.332	2.258.072.860.527

15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2026</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2025</i>
Chi phí lãi vay	18.466.043.332	201.921.606.849
Dự phòng đầu tư	9.961.047.295	552.728.187.112
Chi phí thu xếp khoản vay	9.150.555.556	10.700.494.776
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	30.406.076.643
Khác	683.873.703	628.771.104
TỔNG CỘNG	38.261.519.886	796.385.136.484

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

16.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 30 tháng 06 năm 2025
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	162.184.393.011	1.459.012.172.178
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	32.436.878.602	291.802.434.436
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗi thuế năm trước chuyển sang	(32.436.878.602)	-
Thu nhập từ cổ tức	-	(399.778.388.208)
Lỗi thuế chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	-	107.975.953.772
Chi phí thuế TNDN	-	-

16.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Thiện Tâm	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhi	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Thương mại Thiện Tâm	Công ty con gián tiếp
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế giới Bán lẻ	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Quý Từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Zynstra tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Purple Wifi tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
NEWT Natural Capital LLP tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2026</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2025</i>
				<i>VND</i>
Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhi	Công ty con	Góp vốn Tạm ứng	100.000.000.000 50.000.000.000	- -
Công ty TNHH MTV Đầu tư Thiện Tâm	Công ty con	Góp vốn	95.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty con	Thu hồi đầu tư góp vốn	4.018.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh	Công ty con	Thu nhập từ cổ tức	-	1.998.891.941.040
Ông Robert Willett	Thành viên HĐQT	Chi phí tư vấn	1.249.653.618	1.210.522.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

17. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày
NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

VND

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026. Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

VND

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)				
Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhi	Công ty con	Tạm ứng	<u>50.000.000.000</u>	<u>-</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

VND

Tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ông Vũ Đăng Linh	Tổng Giám đốc	1.350.000.000	-
Bà Lý Trần Kim Ngân	Kế toán trưởng	989.400.000	-
Ông Thomas Lanyi (*)	Thành viên HĐQT	250.000.000	-
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên HĐQT	250.000.000	-
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên HĐQT	250.000.000	-
TỔNG CỘNG		3.089.400.000	-

(*) Tài trợ đào tạo chuyên môn (Khóa quản trị doanh nghiệp & đào tạo thành viên HĐQT)

18. PHÂN LOẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng (Thuyết minh số 3.1.1) trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (được trình bày lại)
---	---------------	--

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	3.246.286.886.357	1.255.731.748.718	4.502.018.635.075
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.148.000.000.000	(1.148.000.000.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	150.528.373.718	(107.731.748.718)	42.796.625.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Giảm các khoản phải thu	2.720.320.117	(3.000.000)	2.717.320.117
-------------------------	---------------	-------------	---------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2026. Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu ESOP 2025. Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 11.1.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Thu Thủy
Người lập



Lý Trần Kim Ngân
Kế toán trưởng



Vũ Đăng Linh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2026

